

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN PHÚ
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **10/2018/HNGĐ-ST**

Ngày: 08-02-2018

V/v “Ly hôn, tranh chấp về
nuôi con chung”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN PHÚ – TỈNH ĐỒNG NAI**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Lê Đăng Tổ**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Phạm Công Gia** và ông **Trịnh Ngọc Thành**

Thư ký phiên tòa: Bà **Lý Thị Chuyên** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông **Phạm Văn Luật** - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 02 năm 2018, tại Tòa án nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 424/2017/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 11 năm 2017 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 01 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 04/2018/QĐST-HNGĐ ngày 24 tháng 01 năm 2018, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Trần Thị Tr** – sinh năm 1995; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Tổ 4, Ấp 1 (Ấp 12 cũ), xã Đắc L, huyện P, tỉnh Đồng Nai; Địa chỉ nơi cư trú: Tổ 4, phường Ph, thị xã Ng, tỉnh Đắk Nông (có mặt).

Bị đơn: Anh **Nguyễn Duyên D** – sinh năm 1988; Địa chỉ nơi cư trú: Tổ 4, Ấp 1 (Ấp 12 cũ), xã Đắc L, huyện P, tỉnh Đồng Nai (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 07/11/2017, lời khai trong quá trình chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Trần Thị Tr trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Tr và anh D kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân xã Đắc L, huyện P, tỉnh Đồng Nai và được cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 20/01/2015.

Theo chị Tr, đời sống hôn nhân của vợ chồng chị tương đối hạnh phúc, đầm ấm, đến tháng 4/2017 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp nhau, anh D ham chơi, không có trách nhiệm với gia đình. Chị Tr đã nhiều lần góp ý nhưng anh D không

những không thay đổi mà còn xảy ra gây gổ, xung đột giữa vợ chồng. Ngoài ra anh D còn đánh đập chị Tr (việc đánh đập không để lại thương tích gì đáng kể). Vợ chồng không còn sống chung từ ngày 23/11/2017 cho đến nay, chị Tr cùng con chung của vợ chồng bỏ về nhà bố mẹ ruột tại thị xã Ng, tỉnh Đắk Nông để sinh sống và làm việc, còn anh D vẫn sinh sống tại xã Đắc L, huyện P, vợ chồng không còn liên lạc với nhau, không ai quan tâm đến ai. Nay chị Tr nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Duyên D.

Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung: Theo chị Tr, vợ chồng có 01 (một) con chung là cháu Nguyễn Hoàng Anh Th, sinh ngày 13/5/2016, từ khi vợ chồng không còn sống chung, cháu Th do chị trực tiếp nuôi dưỡng. Khi ly hôn, chị yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung. Tạm thời chị Tr không yêu anh D cấp dưỡng nuôi con chung do bản thân chị hiện có nghề nghiệp và thu nhập ổn định, đủ khả năng nuôi dưỡng con chung trưởng thành về mọi mặt.

Về tài sản chung: Chị Tr không yêu cầu Tòa án giải quyết; về nợ chung: Không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 17/11/2017, các lời khai trong quá trình chuẩn bị xét xử, bị đơn anh Nguyễn Duyên D trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh D thừa nhận, anh và chị Tr kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Đắc L, huyện P, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn theo luật định.

Từ tháng 4/2017 thì vợ chồng bắt đầu xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm, vợ chồng không thể chia sẻ với nhau trong công việc và trong các mối quan hệ khác, khi vợ chồng xảy ra cãi vã nhau thì chị Tr thường có lời nói không chuẩn mực. Anh D thừa nhận, nhiều lần vợ chồng cãi nhau, do nóng giận và không kiềm chế được bản thân, anh có dùng tay đánh chị Tr nhưng không để lại thương tích gì đáng kể. Theo anh D, mặc dù vợ chồng xảy ra những mâu thuẫn như trên nhưng anh vẫn quan tâm chăm sóc gia đình. Đến ngày 23/11/2017, do mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng nên chị Tr đã bỏ về nhà bố mẹ ruột tại thị xã Ng, tỉnh Đắk Nông sinh sống và làm việc, vợ chồng đã sống ly thân từ đó cho đến nay, kể từ khi sống ly thân anh và chị Tr không còn thực hiện quyền và nghĩa vụ của vợ chồng. Nay chị Tr yêu cầu ly hôn, anh D nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng quá nhỏ, tình cảm vợ chồng vẫn còn, vì vậy, anh D không đồng ý ly hôn với chị Tr, anh đề nghị vợ chồng về sống đoàn tụ, để xây dựng gia đình hạnh phúc, đầm ấm. Tuy nhiên, bản thân anh D cũng không đưa ra được giải pháp nào để vợ chồng giải quyết mâu thuẫn, quay về đoàn tụ.

Về con chung: Anh D thừa nhận, vợ chồng anh có 01 (một) con chung là cháu Nguyễn Hoàng Anh Th, sinh ngày 13/5/2016, từ khi vợ chồng sống ly thân, cháu Th do chị Tr trực tiếp nuôi dưỡng. Trường hợp phải ly hôn, do con chung còn nhỏ nên anh đồng ý giao con chung cho chị Tr trực tiếp nuôi dưỡng.

Về tài sản chung: Anh D không yêu cầu Tòa án giải quyết; về nợ chung: Không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Để chứng minh cho yêu cầu, ý kiến của mình, nguyên đơn đã nộp kèm theo đơn khởi kiện những tài liệu chứng cứ sau: Giấy chứng minh nhân dân (bản sao); sổ hộ khẩu của gia đình (bản sao); giấy chứng nhận kết hôn (bản chính); Giấy khai sinh của con chung (bản sao); lời khai của nguyên đơn tại bản tự khai; đơn đề nghị Tòa án hỗ trợ sao gửi tài liệu, chứng cứ; đơn đề nghị Tòa án tiến hành thu thập tài liệu, chứng cứ. Các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp Tòa án đã tiến hành sao gửi hợp lệ cho bị đơn, bị đơn không nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ nào khác. Để giải quyết vụ án, theo yêu cầu của nguyên đơn, Tòa án đã tiến hành thu thập những tài liệu, chứng cứ sau: Biên bản xác minh về mâu thuẫn vợ chồng, biên bản đối chất.

Tại phiên tòa, chị Tr vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn với anh D, yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Các đương sự không giao nộp, bổ sung thêm tài liệu, chứng cứ nào khác, không yêu cầu triệu tập đương sự, người làm chứng và người tham gia tố tụng khác tham gia phiên tòa.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến như sau:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và đương sự đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

Về đường lối giải quyết vụ án: Đề nghị chấp nhận cho chị Tr ly hôn với anh D; về con chung: Đề nghị giao cháu Nguyễn Hoàng Anh Th - sinh ngày 13/5/2016 cho chị Tr tiếp tục nuôi dưỡng. Tạm thời miễn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho anh D do chị Tr không yêu cầu; về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, về nợ chung: Các đương sự khai không có, nên không xem xét. Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Chị Trần Thị Tr khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Duyên D, tranh chấp về nuôi con chung là Nguyễn Hoàng Anh Th - sinh ngày 13/5/2016. Vì vậy, quan hệ pháp luật tranh chấp cần giải quyết trong vụ án này được xác định là: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn anh Nguyễn Duyên D cư trú tại xã Đắc L, huyện P, tỉnh Đồng Nai nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Phú theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn anh Nguyễn Duyên D đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt tại phiên tòa, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa chị Tr và anh D được xác lập trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đắc Lua, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai vào ngày 20/01/2015 và được cấp giấy chứng nhận kết hôn theo quy định, vào sổ cấp giấy số 07, quyển số 01/2015 (Bút lục số 15), do đó đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật ghi nhận và bảo vệ.

Đời sống hôn nhân giữa vợ chồng chị Tr và anh D bắt đầu phát sinh mâu thuẫn từ tháng 4/2017. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung nên thường xảy ra cãi vã nhau, hơn nữa anh D hay đi chơi về khuya, khi chị Tr góp ý thì vợ chồng lại xảy ra xô xát nhau, anh D còn đánh chị Tr (việc đánh đập không để lại thương tích đáng kể). Từ ngày 23/11/2017, chị Tr đã về nhà bố mẹ ruột tại thị xã Ng, tỉnh Đắk Nông sinh sống và làm việc, từ thời gian này vợ chồng chị Tr, anh D đã không còn sống chung, không ai quan tâm đến ai. Lời khai của nguyên đơn về mâu thuẫn vợ chồng được bị đơn thừa nhận, phù hợp với biên bản xác minh về mâu thuẫn vợ chồng (Bút lục số 28, 29). Do đó có đủ cơ sở xác định, quá trình sống chung, vợ chồng chị Tr, anh D đã không còn thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau. Vi phạm nghĩa vụ sống chung của vợ chồng được quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và Gia đình; làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình thì yêu cầu ly hôn của chị Tr đối với anh D là có cơ sở.

Anh D một mặt cho rằng, anh vẫn quan tâm, chăm sóc vợ con nhưng mặt khác lại thừa nhận bản thân có đi chơi về khuya và có đánh đập chị Tr, lời khai của anh D mâu thuẫn nhau, không phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Hơn nữa, quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần phân tích, giải thích để vợ chồng về đoàn tụ nhưng chị Tr vẫn cương quyết giữ nguyên yêu cầu ly hôn. Mặt khác, các bên đã tự chấm dứt đời sống chung của vợ chồng từ tháng 11/2017, do đó, đề nghị được đoàn tụ gia đình với chị Tr của anh D là không có cơ sở.

[2.2] Về con chung và nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Tr, anh D thừa nhận, vợ chồng có 01 (một) con chung là cháu Nguyễn Hoàng Anh Th - sinh ngày 13/5/2016. Khi ly hôn, chị Tr yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, anh D đồng ý giao con chung cho chị Tr trực tiếp nuôi dưỡng. Xét thấy, ý kiến, yêu cầu của các đương sự đều dựa trên lợi ích của con chung, bởi con chung còn nhỏ, hiện đang sống cùng chị Tr, cần sự chăm sóc trực tiếp từ người mẹ. Vì vậy, cần tiếp tục giao con chung cho chị Tr trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Tạm thời miễn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho anh D do chị Tr không yêu cầu.

[2.3] Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết; Về nợ chung: Các đương sự trình bày không có, nên không xem xét, giải quyết.

[3] Về án phí: Chị Tr là nguyên đơn trong vụ án ly hôn, do đó chị Tr phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 BLTTDS và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[4] Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa về đường lối giải quyết vụ án là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 235 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Điều 19, 51, 56, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân Gia đình;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Tr, về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung” đối với anh Nguyễn Duyên D.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Trần Thị Tr và anh Nguyễn Duyên D.

1.2. Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung: Giao con chung Nguyễn Hoàng Anh Th - sinh ngày 13/5/2016 cho chị Tr trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Tạm thời miễn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho anh D do chị Tr không yêu cầu.

Sau khi ly hôn, pháp luật vẫn bảo hộ mọi quyền và nghĩa vụ của cha mẹ đối với con chung (quyền thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở, quyền yêu cầu cấp dưỡng, yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung....)

1.3. Về tài sản chung: Chị Tr, anh D không yêu cầu Tòa án giải quyết; về nợ chung: Chị Tr, anh D khai không có, nên không xem xét.

2. Về án phí: Chị Trần Thị Tr phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn, được khấu trừ vào số tiền chị Tr đã nộp tạm ứng theo biên lai thu số 007341 ngày 07/11/2017 tại Chi cục thi hành án Dân sự huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai. Chị Tr đã nộp đủ án phí.

Người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

3. Về quyền kháng cáo: Chị Tr được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án; anh D được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Tân Phú;
- Chi cục THA huyện Tân Phú;
- Các đương sự (để thi hành);
- UBND xã Đắc L (để ghi vào sổ hộ tịch đăng ký số 07, quyền số 01/2015);
- Lưu HS – LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Đăng Tố